Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8546.20.10

Mã HS	8546.20.10
Mô tả hàng hóa	Vật cách điện làm bằng vật liệu bất kỳ / - Bằng gốm, sứ: / - - Cách điện xuyên của máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và cách điện của thiết bị ngắt mạch
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 08:25:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85462010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16124
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16124
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16124
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15473
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15402
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15402
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15402
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15402
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15402
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15402
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15458
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15458
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15458
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15458
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15458
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15459
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15459
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15459
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15459
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15459
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15459
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15460
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15408
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15416
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15416
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15416
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15416
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15416
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15416
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15456
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15456
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15456
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15456
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15456
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15456
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15518
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15518

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15518
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15518
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15518
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15518
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15492
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15492
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15492
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15492
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15492
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15492
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15495
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15495
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15495
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15495
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15495
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15495
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15501
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15501
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15501
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15501
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15501
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15501
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15500
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15500
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15500
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15500

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15500
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15500
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15489
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15489
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15489
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15489
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15489
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15489
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15489
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15483
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15483
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15483
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15483
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15483
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15483
RCEP B	2022	2022	0	B!D15483
RCEP B	2023	2023	0	B!E15483
RCEP B	2024	2024	0	B!F15483
RCEP B	2025	2025	0	B!G15483
RCEP B	2026	2026	0	B!H15483
RCEP B	2027	2027	0	B!I15483
RCEP C	2022	2022	0	C!D15483
RCEP C	2023	2023	0	C!E15483
RCEP C	2024	2024	0	C!F15483
RCEP C	2025	2025	0	C!G15483
RCEP C	2026	2026	0	C!H15483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15483
RCEP D	2022	2022	0	D!D15482
RCEP D	2023	2023	0	D!E15482
RCEP D	2024	2024	0	D!F15482
RCEP D	2025	2025	0	D!G15482
RCEP D	2026	2026	0	D!H15482
RCEP D	2027	2027	0	D!I15482
RCEP E	2022	2022	0	E!D15486
RCEP E	2023	2023	0	E!E15486
RCEP E	2024	2024	0	E!F15486
RCEP E	2025	2025	0	E!G15486
RCEP E	2026	2026	0	E!H15486
RCEP E	2027	2027	0	E!I15486
RCEP F	2022	2022	0	F!D15483
RCEP F	2023	2023	0	F!E15483
RCEP F	2024	2024	0	F!F15483
RCEP F	2025	2025	0	F!G15483
RCEP F	2026	2026	0	F!H15483
RCEP F	2027	2027	0	F!I15483
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F14445
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G14445
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H14445
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I14445

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8546.20 có 2 dòng thuế; dòng 8546.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cách điện xuyên của máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và cách điện của thiết bị ngắt mạch.	8546.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8546.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8546.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16124), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.